



Số : 130./2010/BC.TC-AASC.KT3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Rau Quả I

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Rau Quả I

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Rau Quả I được lập ngày 25 tháng 02 năm 2010 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 được trình bày từ trang 06 đến trang 21 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Rau Quả I tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2010

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Dũng

Chứng chỉ KTV số: 0285/KTV

Kiểm toán viên

Phan Bá Triều

Chứng chỉ KTV số: 1471/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2009	01/01/2009
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		21.121.486.546	22.943.105.020
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		3.025.272.073	3.759.671.213
111	1. Tiền	3	3.025.272.073	3.759.671.213
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.724.273.945	6.855.026.375
131	1. Phải thu khách hàng		2.205.305.293	5.715.083.990
132	2. Trả trước cho người bán		400.000.000	796.000.000
135	5. Các khoản phải thu khác	4	118.968.652	343.942.385
140	IV. Hàng tồn kho	5	14.679.545.257	11.154.868.684
141	1. Hàng tồn kho		14.679.545.257	11.154.868.684
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		692.395.271	1.173.538.748
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		162.395.271	934.413.748
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		530.000.000	239.125.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		13.916.044.115	15.199.729.394
220	II. Tài sản cố định		8.736.224.329	11.217.906.841
221	1. Tài sản cố định hữu hình	6	8.554.224.329	11.035.906.841
222	- Nguyên giá		27.560.523.985	28.568.629.498
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(19.006.299.656)	(17.532.722.657)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7	182.000.000	182.000.000
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	8	3.450.000.000	1.950.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		1.950.000.000	1.500.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		1.500.000.000	450.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.729.819.786	2.031.822.553
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	1.729.819.786	2.031.822.553
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<u>35.037.530.661</u>	<u>38.142.834.414</u>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		6.975.536.982	12.308.202.987
310	I. Nợ ngắn hạn		6.950.252.072	12.282.918.077
312	2. Phải trả người bán		510.142.692	2.071.332.554
313	3. Người mua trả tiền trước		797.224.151	5.519.092.628
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	881.915.807	834.198.744
315	5. Phải trả người lao động		1.052.775.926	775.984.362
316	6. Chi phí phải trả		25.000.000	338.381.453
317	7. Phải trả nội bộ			611.688.000
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	11	3.683.193.496	2.132.240.336
330	II. Nợ dài hạn		25.284.910	25.284.910
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		25.284.910	25.284.910
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		28.061.993.679	25.834.631.427
410	I. Vốn chủ sở hữu	12	27.929.056.775	25.655.767.037
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		24.500.000.000	24.500.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		24.080.000	24.080.000
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		83.048.956	
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		877.328.972	165.378.280
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		585.364.787	585.364.787
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.859.234.060	380.943.970
430	II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác		132.936.904	178.864.390
431	1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		132.936.904	178.864.390
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		35.037.530.661	38.142.834.414

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
002	2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			89.117.857
005	5. Ngoại tệ các loại		57.308,28	78.957,39

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Người lập biểu



Đào Lan Phương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Lan Anh

Hà Nội, ngày 25 tháng 2 năm 2010

Giám đốc



Lê Văn Anh

